

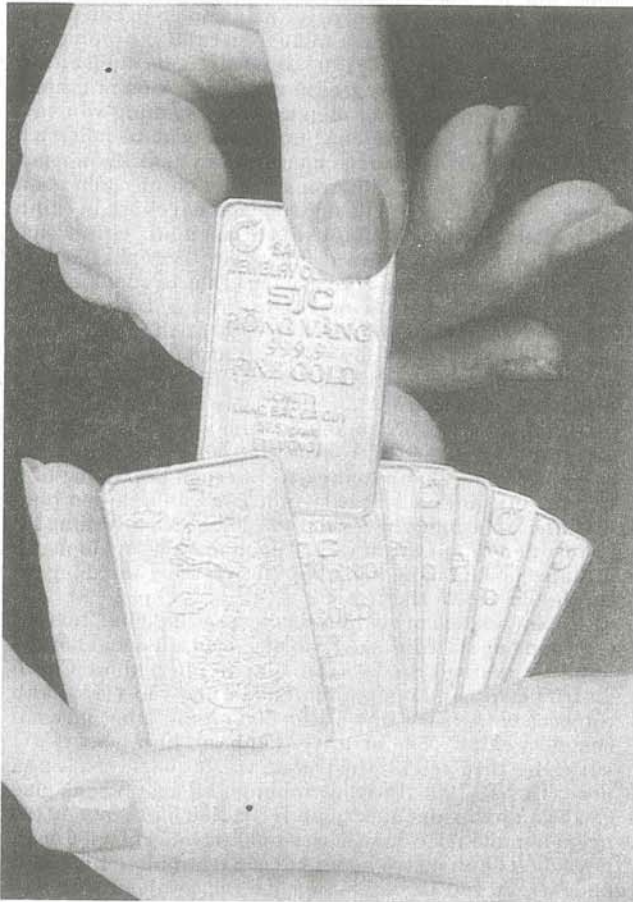
Dự trữ quốc tế bao gồm dự trữ ngoại hối nhà nước do Ngân hàng nhà nước quản lý và dự trữ ngoại hối của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối. Dự trữ quốc tế của một quốc gia bao gồm: ngoại tệ mạnh; vàng và kim loại quý; dự trữ tại quỹ tiền tệ quốc tế IMF, quyền rút vốn đặc biệt SDR và các tài sản tài chính có tính lưu hoạt cao. Tuy nhiên, ngoại tệ mạnh vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong dự trữ quốc tế.

Dự trữ ngoại hối nhà nước (gọi tắt là dự trữ ngoại hối) là tài sản thuộc sở hữu nhà nước, là vật đối ứng, là cơ sở đảm bảo giá trị cho số tiền đã phát hành vào lưu thông.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ

VỀ DỰ TRỮ NGOẠI HỐI NHÀ NƯỚC

NGUYỄN TUẤN QUỲNH



được nhà nước giao cho ngân hàng trung ương quản lý, điều hành và quay vòng hàng ngày nhằm thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, đảm bảo khả năng thanh toán quốc tế của đất nước.

Về nguồn gốc sâu xa, dự trữ ngoại hối có được là do có thặng dư cán cân thanh toán quốc tế, trong đó xuất khẩu cao hơn nhập khẩu và các luồng tư bản đổ vào. Chỉ một số ít trường hợp là từ khoản vay nước ngoài để hỗ trợ cán cân thanh toán quốc tế. Như vậy, suy cho cùng thì dự trữ ngoại hối là kết quả, là biểu hiện sức mạnh của tiềm lực kinh tế của quốc gia. Nó có quan hệ trực tiếp đến thực trạng cán cân thanh toán quốc tế: cán cân thiếu hụt thì dự trữ giảm, cán cân bội thu thì dự trữ tăng. Trong phạm vi chính sách tiền tệ cho phép, dự trữ ngoại hối được bổ sung thêm từ một phần lượng tiền cung ứng hàng năm dành để mua ngoại tệ. Khoản vay từ các ngân hàng hoặc tổ chức tài chính quốc tế cũng là một nguồn để bổ sung cho dự trữ ngoại hối nhằm hỗ trợ cán cân thanh toán quốc tế, ổn định sức mua đối nội, đối ngoại. Dự trữ ngoại hối giữ vai trò ngăn ngừa những biến động ngắn hạn quá lớn về tỷ giá do hậu quả của một nhân tố như biến động trong nguồn thu xuất khẩu, thanh toán nhập khẩu cũng như chu chuyển quá lớn luồng vốn quốc tế đối với một quốc gia.

Ngân hàng trung ương thực hiện việc quản lý dự trữ ngoại hối với các nội dung: điều hành, mua bán, giao dịch và can thiệp thị trường mua bán trong nước. Cụ thể là:

Trong việc điều hành hoạt động của dự trữ ngoại hối, ngân hàng trung ương quyết định: tỷ lệ dự trữ bằng ngoại tệ và bằng vàng trong dự trữ ngoại hối; tỷ lệ vàng dự trữ bảo quản trong nước và vàng dự trữ gửi nước ngoài; các loại ngoại tệ và tỷ trọng từng loại, lựa chọn đối tác thực hiện các giao dịch ngoại hối. Cơ cấu dự trữ ngoại hối vào những đồng tiền nào phải phù hợp với nhu cầu thanh toán xuất nhập khẩu và nhu cầu thanh toán quốc tế khác, cơ cấu vay và trả nợ nước ngoài, xu hướng biến động và vai trò thanh toán quốc tế của từng loại ngoại tệ trên các thị trường tài chính quốc tế, có khả năng nhanh chóng chuyển đổi ra ngoại tệ khác một cách thông suốt.

Việc mua bán và giao dịch ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế được thực hiện thông qua các nghiệp vụ:

. Trên thị trường trong nước: mua từ các nguồn thu ngoại tệ của ngân sách nhà nước, bán ngoại tệ để đáp ứng các nhu cầu chi trả bằng ngoại tệ của ngân sách nhà nước; mua bán bình thường trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng, chỉ theo lệnh của chính phủ. Bên cạnh đó, dự trữ ngoại hối nhằm mục tiêu sẵn sàng tài trợ cho các nhu cầu giao dịch ngoại hối có thể ước tính được đối với nền kinh tế. Đối với các nước đang phát triển, dự trữ ngoại hối có tầm quan trọng đặc biệt vì việc đi vay để tài trợ thâm hụt cán cân vãng lai sẽ phải trả giá đắt hơn nhiều so với việc dự trữ ngoại tệ.

. Trên thị trường quốc tế: gửi, mua bán ngoại tệ và vàng ở nước ngoài, mua bán trái phiếu, chứng từ có giá bằng ngoại tệ của các chính phủ, các tổ chức tiền tệ quốc tế, vay trên thị trường quốc tế và phát hành trái phiếu ngân hàng trung ương ra nước ngoài, các hình thức giao dịch khác.

. Mua bán ngoại tệ mang tính chất can thiệp thị trường ngoại hối trong nước khi cần thiết: Đây là mục đích quan trọng nhất đối với các quốc gia, chủ yếu là để đảm bảo duy trì tỷ giá ở mức nhất định theo mục tiêu, chính sách của mình.

Các chuyên gia kinh tế thường dùng chỉ số: số tuần lễ nhập khẩu mà dự trữ quốc tế có thể đảm bảo để so sánh và đánh giá mức dự trữ giữa các quốc gia. Vào cuối năm 1996, IMF đã công bố khoản dự trữ ngoại hối toàn cầu giá vào khoảng 1.500 tỷ USD. Trong đó, số tiền dự trữ bằng USD chiếm 60% và đồng DM chiếm 14%. Đồng yen và đồng ECU xấp xỉ nhau, mỗi loại chiếm khoảng 6%.

Năm quốc gia có dự trữ quốc tế lớn nhất thế giới năm 1996

STT	Tên quốc gia	Dự trữ quốc tế (tỷ USD)	Tuần lễ nhập khẩu tương ứng
1	Nhật Bản	217,8	32
2	Đài Loan	88,7	46
3	Đức	87,9	10
4	Mỹ	77,2	5
5	Singapore	76,8	30

Nguồn: *International Financial Statistics Yearbook* - IMF 1997

Năm quốc gia có dự trữ quốc tế lớn nhất thế giới năm 1997.

STT	Tên quốc gia	Dự trữ quốc tế (tỷ USD)
1	Nhật Bản	219,4
2	Trung Quốc	136
3	Hong Kong	96,5
4	Đài Loan	82,9
5	Đức	77,3

Nguồn: *Asiaweek*, 2.1998

Dự trữ quốc tế của một số nước ASEAN

STT	Quốc gia	Năm 1996 (triệu USD)	Tốc độ tăng hàng năm 93 - 96	Tuần lễ NK BQ 93 - 96
1	Campuchia	266	123%	8
2	Indonesia	19.281	12%	22
3	Lào	172	33%	8
4	Malaysia	27.129	0%	22
5	Mianma	241	3%	11
6	Philippines	11.745	20%	16
7	Thái Lan	36.645	11%	28
8	Singapore	76.847	13%	30

Nguồn: *International Financial Statistics Yearbook* - IMF 1997

Theo ý kiến của một chuyên gia thuộc Tổng cục đầu tư và phát triển - Bộ tài chính VN thì dự trữ ngoại hối của VN là khá mỏng. Năm 1994 là 876 triệu USD, năm 1995: 1.376 triệu USD, năm 1996: 1.798 triệu USD và năm 1997: 2.260 triệu USD, tương đương với từ 9 - 10 tuần nhập khẩu (tuy nhiên, theo tờ ASIaweek số ra tháng 3.1998, thì dự trữ ngoại hối của VN luôn ở mức 600 triệu USD trong 4 năm qua).

Vấn đề đặt ra là cần xác định mức dự trữ ngoại hối tối ưu. Hiện nay, các quốc gia đều có dự trữ ngoại hối và có những phương pháp riêng để xác định mức dự trữ tối ưu. Dưới góc độ hiệu quả của quản lý dự trữ thì mức dự trữ ngoại hối tối ưu tùy thuộc vào các yếu tố:

Bản chất của đồng tiền và cơ chế tỷ giá: đối với đồng tiền tự do chuyển đổi hoặc chuyển đổi từng phần cũng như cơ chế tỷ giá là cố định hoặc thả nổi có điều tiết thì chắc chắn dự trữ ngoại hối phải đủ lớn để ngân hàng trung ương can thiệp vào thị trường hối đoái để đảm bảo giữ tỷ giá ở mức mục tiêu.

Cán cân vãng lai: dự trữ ngoại hối thường được duy trì theo một tỷ lệ tương ứng với quy mô thương mại quốc tế, tương đương với mức nhập khẩu khoảng 3 tháng. Một đề nghị khác là dự trữ theo một tỷ lệ tương ứng với mức độ biến động cán cân vãng lai. Bên cạnh đó, các quốc gia có chế độ thương mại tự do chắc chắn sẽ cần tới mức dự trữ

cao cho nhu cầu dự phòng bất trắc hơn so với nước có sự kiểm soát chặt chẽ xuất, nhập khẩu.

Tính chất của thị trường tài chính: sự tự do và mức lưu hoạt cao của các luồng vốn quốc tế trên thị trường tài chính sẽ có thể góp phần cho việc giảm nhu cầu dự trữ để tài trợ thâm hụt cán cân vãng lai. Tuy nhiên, sự tự do các giao dịch vãng lai và các giao dịch vốn quá mức cũng sẽ có nguy cơ gây biến động về luồng ngoại tệ ra - vào, lại kéo theo mức dự trữ lớn.

Theo số liệu đã được đúc kết ở các quốc gia công nghiệp mới, để trở thành một NIC trong nửa đầu thế kỷ 21, VN phải đạt ít nhất trên 12 tỷ dự trữ ngoại hối. Như thế mới có thể đảm bảo đáp ứng nhu cầu nhập khẩu vật tư kỹ thuật (thiết bị công nghệ, bản quyền phát minh sáng chế, nguyên nhiên liệu...), tăng khả năng thanh toán các khoản nợ khi mà nhu cầu nhập khẩu vào thời điểm đó có thể lên đến 50 tỷ USD.

Như vậy, bài toán đặt ra ở đây là làm cách nào để VN có thể tăng dự trữ ngoại hối lên mức mong muốn?

Công việc đầu tiên là chính sách để phát triển xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu. Những giải pháp mở rộng quy mô hàng xuất khẩu bao gồm: lựa chọn đúng mặt hàng chủ lực, mũi nhọn; nâng cao chất lượng hàng hóa xuất khẩu, tích cực cải tiến cơ cấu hàng xuất khẩu, chuyển dần từ xuất khẩu nguyên liệu sang các sản phẩm chế biến, tìm và giữ thị trường chiến lược cũng như thành lập các tổ chức xúc tiến thương mại. Nhà nước cần tạo được môi trường thuận lợi để đẩy mạnh xuất khẩu như chính sách thuế, lập quỹ khen thưởng xuất khẩu, chính sách tỷ giá phù hợp và khuyến khích xuất khẩu, cho phép các thành phần kinh tế tham gia xuất khẩu. Bên cạnh các biện pháp tăng cường xuất khẩu để thu hút ngoại tệ, bổ sung dự trữ ngoại hối, cần tăng cường nguồn huy động kiểu như thông qua hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó, sử dụng vốn vay, tài trợ của các nước, tổ chức tài chính quốc tế một cách hiệu quả và nên tập trung cho các dự án xuất khẩu, phát triển cơ sở hạ tầng. Một trong những chính sách quan trọng có ảnh hưởng lớn để dự trữ ngoại hối chính là chính sách tỷ giá. Để thực hiện tốt vai trò của mình, chính sách tỷ giá cần: thường xuyên xác lập và duy trì tỷ giá hối đoái cân bằng, ổn định, dựa trên sức mua thực tế của đồng VN với các ngoại tệ tương quan trên thị trường; không ngừng nâng cao uy tín của đồng VN trên cơ sở ổn định vững chắc giá trị của nó, sự tương đồng hợp lý giữa đối nội, đối ngoại; phối hợp với chính sách ngoại hối để đẩy lùi hội chứng đó là hóa nền kinh tế trên cơ sở tạo ra đầy đủ tiền để kinh tế, pháp chế để đồng VN thực hiện trọn vẹn chức năng của mình và tăng cường vai trò trong đời sống kinh tế nhất là trong lưu thông thanh toán và với tư cách là phương tiện tích lũy tài sản; tạo ra các tiền để cần và đủ để mở rộng hình thức, nội dung chuyển đổi của đồng VN... xây dựng thị trường tiền tệ, tài chính và hệ thống ngân hàng đủ mạnh để đảm bảo khả năng hòa nhập của VN vào cộng đồng tài chính khu vực và thế giới...

Trong thời gian qua, VN đã cố gắng chấp chịu, tích lũy từng đồng ngoại tệ, bổ sung vào nguồn dự trữ ngoại hối của mình và hiện nay đã đạt trên 10 tuần nhập khẩu. Chính dự trữ ngoại hối đã góp phần không nhỏ vào việc thành công của chính sách tiền tệ của Ngân hàng nhà nước nói chung và chính sách quản lý, điều hành linh hoạt tỷ giá nói riêng theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Từ 1.10.1998, Luật ngân hàng nhà nước VN đã giao cho Ngân hàng nhà nước quản lý và điều hành quỹ dự trữ ngoại hối nhà nước. Đây là cơ sở pháp lý để cho việc quản lý và điều hành dự trữ ngoại hối của ngân hàng nhà nước phục vụ cho việc thi hành hiệu quả các chính sách tiền tệ quốc gia trong thời gian tới ■